

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2022
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân.
2. Bà Phạm Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 9/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 1 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXX-ST ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: 381/26B, đường Phạm Hữu Lầu, tổ A, ấp B, xã C, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Thái Minh H, sinh năm: 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 381/26B, đường Phạm Hữu Lầu, tổ A, ấp B, xã C, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 và các bản tự khai và biên bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thùy H trình bày:

Bà H và Ông Thái Minh H tự nguyện xây dựng gia đình năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/7/2009.

Theo Bà H , vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, thì năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và một phần Ông Thái Minh H sống thiếu trách nhiệm, ăn chơi nợ nần không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã.

Đến năm 2019 thì cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn và không thể nào hàn gắn lại được, bà yêu cầu được ly hôn với Ông Thái Minh H. Đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với Ông Thái Minh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung chưa trưởng thành tên Thái Quốc A, sinh ngày 18/8/2009 và Thái Mỹ M sinh ngày 24/11/2013. Hiện nay con đang ở cùng với Bà H . Bà Nguyễn Thị Thùy H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông Thái Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà H xác định không có.

- Bị đơn Ông Thái Minh H không có phần trình bày do bị đơn không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để nguyên đơn cung cấp chứng cứ theo lời khai tại phiên tòa sự việc Ông H mượn nợ bên ngoài có người đến nhà gây gỗ mất trật tự nên Công an xã có làm việc người chủ nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thùy H yêu cầu ly hôn với Ông Thái Minh H. Do Ông H có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Ông Thái Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn đúng theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu của Bà H xin ly hôn Ông H vì Bà H cho rằng không còn tình cảm yêu thương đối với Ông H do Ông H ăn chơi nợ nần từ đó vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất hòa, bà đã sống ly thân.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết Bà H không cung cấp chứng cứ để chứng minh Ông H vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 9/2021/QĐ-CCTLCC ngày 28/4/2021 và Phiếu yêu cầu xác minh số 533/2021/TANB ngày 22/11/2021 thì tình trạng hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Thùy H với Ông Thái Minh H chưa đến cơ quan trình bày vụ việc xảy ra mâu thuẫn.

Ngoài ra tại phiên tòa Bà H cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình theo quy định Điều 2 Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn do Bà H đưa ra phiên diện không được Ông H thừa nhận, không có cơ sở cho rằng mục đích hôn nhân giữa hai người là không đạt được bởi lẽ mâu thuẫn Bà H cho rằng là trầm trọng cũng chỉ xuất phát từ một phía từ Bà H. Mặc dù Bà H cho rằng mình không còn tình cảm yêu thương, vợ chồng mâu thuẫn bất hòa tự ý Bà H sống ly thân. Ngoài ra gia đình không xảy ra bạo lực, không gây gổ, cãi vã đồng thời sự việc mâu thuẫn gia đình không có báo chính quyền địa phương biết để giúp đỡ hòa giải mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện theo xác minh tình trạng hôn nhân. Vì vậy Hội đồng xét xử cho Bà H và Ông H đoàn tụ gia đình nên xét cần có thời gian để tạo điều kiện cho hai bên đương sự hàn gắn tình cảm, không chấp nhận yêu cầu của Bà H ly hôn với Ông H là phù hợp với điều luật đã viện dẫn ở trên. Do yêu cầu của Bà H không được chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về những vấn đề khác (Về con chung ; Về tài sản chung và nợ chung).

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xét án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nguyên đơn Bà H chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 225, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thùy H về việc ly hôn với Ông Thái Minh H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Thùy H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0073263 ngày 06/1/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè; Bà H đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ông Thái Minh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hồng